

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT

Ngày 30-9-2022

V/v “*Kiến chia di sản thừa kế và
chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Tâm và ông Nguyễn Đức Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc “*Kiến chia di sản thừa kế và chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lại Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lại Thị L, sinh năm 1959; bà Lại Thị C, sinh năm 1971 và bà Lại Thị T, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đều có mặt.

3.2. Ông Lại Văn C, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hàng thừa kế theo pháp luật: Ông Lại Văn M (sinh năm 1937) kết hôn với bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1938) sinh được 02 người con là bà Lại Thị L, sinh năm 1959 và ông Lại Việt B, sinh năm 1965 (là Liệt sỹ hy sinh năm 1984 khi chưa có vợ con). Năm 1968 bà D chết, sau đó cùng năm 1968, ông Lại Văn M kết hôn với bà Phạm Thị H, sinh được 03 người con là bà Lại Thị C, sinh năm 1971; ông Lại Văn C, sinh năm 1974 và bà Lại Thị T, sinh năm 1976.

Về di sản thừa kế: Thừa đất số 208, tờ bản đồ PL1 diện tích 728m², trong đó đất ở là 260m² và đất vườn là 468m² tại thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam có nguồn gốc ông cha để lại cho ông M và bà H. Ngày 03/7/2006, UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020649 mang tên hộ bà Phạm Thị H tại thửa số 208, tờ bản đồ PL1, tổng diện tích là 1.304m² trong đó đất ONT là 360m², đất HNK 476m² và đất CLN 468m². Ngày 07/03/2011, vợ chồng ông M bà H đã tặng cho con trai là ông Lại Văn C diện tích thừa đất là 576m² (trong đó có 100m² đất ở và 476m² đất vườn) nên diện tích thừa đất của hộ gia đình bà H còn lại là 728m², trong đó đất ở là 260m², đất vườn là 468m². Tài sản của ông M, bà H xây dựng trên đất được 01 căn nhà ở cấp bốn, khu nhà bếp, bể nước, chuồng trại chăn nuôi đều đã xuống cấp và cây hoa màu, lưu niên trên đất.

Về thừa kế theo di chúc: Ngày 05/10/2012, bà H và ông M cùng lập di chúc với nội dung: Sau khi người cuối cùng trong hai ông bà qua đời thì toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 208, tờ bản đồ PL1 diện tích 728m², trong đó đất ở là 260m² và đất vườn là 468m² tại thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam được di chúc lại cho anh Lại Văn T (con trai ông C). Khi lập di chúc ông M, bà H hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện và không bị ai lừa dối hay ép buộc, di chúc được công chứng viên tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Hà Nam chứng thực ngày 09/10/2012.

Thời điểm mở thừa kế: Ngày 05/05/2019 ông M chết, từ đó đến nay toàn bộ tài sản chung của hộ gia đình nêu trên do bà H quản lý.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H có ý kiến như sau: Thừa nhận di chúc lập ngày 05/10/2012 bà H và ông M cho anh Lại Văn T thừa kế thừa đất số 208, tờ bản đồ PL1 diện tích 728m² và toàn bộ tài sản trên đất là hợp pháp. Phần di chúc của ông M đã được mở thừa kế, có hiệu lực pháp luật nên anh T được quyền thừa kế tài sản của ông M theo di chúc. Tuy nhiên, đối với phần tài sản của bà H, bà không đồng ý cho anh T thừa kế, đề nghị phân chia phần tài sản chung nhà, đất của vợ chồng bà tại thửa số 208, tờ bản đồ PL1. Bà H đề nghị được nhận quyền sử dụng đất, thanh toán cho anh T giá trị tài sản thừa kế theo di chúc

phần của ông M do anh T chưa lập gia đình riêng, vẫn ở chung với vợ chồng anh Cương.

- Bị đơn anh Lại Văn T có ý kiến như sau: Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H. Do anh là cháu nội đích tôn của ông M, bà H nên ngày 05/10/2012 của ông M, bà H đã lập di chúc cho anh hưởng thừa kế toàn bộ tài sản của ông bà gồm thửa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² và căn nhà cấp bốn có trên đất. Đề nghị Tòa án phân chia di sản ông M để lại là nhà, đất cho anh theo di chúc ngày 05/10/2012.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lại Thị L, bà Lại Thị C và bà Lại Thị T có ý kiến như sau: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia phần di sản của ông M để lại nằm trong khối tài sản chung của hộ gia đình cho anh Lại Văn T theo đúng tâm nguyện của ông M trong nội dung di chúc đã lập ngày 05/10/2012; phân chia tài sản chung của hộ gia đình bà Phạm Thị H và cho tất cả các thành viên trong hộ gia đình theo quy định của pháp luật (mỗi người được phân chia để quản lý, sử dụng trị giá khoảng 100.000.000 đồng).

+ Ông Lại Văn C có ý kiến như sau: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án phân chia di sản của ông M cho anh T theo đúng nội dung di chúc ông M đã lập và phân chia tài sản chung của hộ gia đình cho các thành viên theo quy định của pháp luật.

Về công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/03/2022, Hội đồng định giá tài sản thành phố P đã tiến hành việc định giá tài sản đối với khối tài sản chung của hộ gia đình bà H, trong đó có phần di sản của ông M để lại gồm quyền sử dụng đất và tài sản chung của vợ chồng ông M, bà H trên đất, cụ thể:

Thửa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² (trong đó có 260m² đất ở và 468m² đất vườn) có giá trị là 427.440.000 đồng.

Tài sản có trên thửa đất là tài sản chung của ông M, bà H gồm: 01 nhà cấp bốn, mái lợp ngói, diện tích 72.3m² trị giá 124.327.000 đồng; 01 bếp xây gạch xi, mái lợp ngói, diện tích 18m² trị giá 12.806.000 đồng; khu chuồng trại chăn nuôi xây gạch xi, mái lợp ngói, diện tích 19m² trị giá 10.370.000 đồng; 01 bể nước cũ xây gạch đỏ trị giá 4.652.000 đồng; 01 bể nước ăn có nắp đậy bê tông trị giá 4.609.000 đồng; 01 bể phốt tự hoại trị giá 6.256.000 đồng; sân lát vỉa xi măng trị giá 8.058.000 đồng; phần tường rào chắn trước sân trị giá 1.162.000 đồng; tường rào xung quanh thửa đất trị giá 8.648.000 đồng; phần cổng gồm trụ cổng, mái bê tông, cánh cổng sắt trị giá 2.210.000 đồng;

Cây cối, hoa màu có trên đất gồm 01 cây mít, 02 cây nhãn và 01 cây quýt hồng bì trị giá tổng cộng 1.550.000 đồng.

Tổng giá trị về đất và tài sản có trên đất là: 612.088.000 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu không trăm tám tám nghìn đồng*).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã Quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 144, 147, 157, 165, 184, 185, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3, Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959; các Điều 111, 155, 206, 207, 210, 213, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 618, 620, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 640, 643, 644, 659 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế và chia tài sản chung của bà Phạm Thị H:

1.1. Xác nhận ông Lại Văn M chết ngày 05/05/2019. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế của ông M là kể từ khi ông qua đời và tại nơi cư trú. Ông M chết có để lại di chúc.

1.2. Công nhận di chúc ông Lại Văn M và bà Phạm Thị H lập ngày 05/10/2012, công chứng ngày 09/10/2021 tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Hà Nam, địa chỉ tại Thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam là hợp pháp. Phần nội dung di chúc bà Phạm Thị H đã lập nay bà H hủy bỏ nên không có hiệu lực. Phần nội dung di chúc ông Lại Văn M đã lập có hiệu lực.

1.3. Xác định anh Lại Văn T là người được hưởng thừa kế theo di chúc của ông Lại Văn M lập ngày 05/10/2012.

1.4. Xác định bà Phạm Thị H là người được hưởng di sản thừa kế của ông M không phụ thuộc vào nội dung di chúc của ông M lập ngày 05/10/2012.

1.5. Xác định thửa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² trong đó có 260m² đất ở nông thôn (ONT) và 468m² đất vườn (CLN), đã được UBND thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020649 ngày 03/7/2006 cho hộ bà Phạm Thị H thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lại Văn M và bà Phạm Thị H.

1.6. Xác định tài sản chung của ông Lại Văn M và bà Phạm Thị H có trong thời kỳ hôn nhân gồm quyền sử dụng thửa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² đã được UBND thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020649 ngày 03/7/2006 cho hộ bà Phạm Thị H và các tài sản chung gồm nhà ở, công trình xây dựng khác có trên thửa đất đã

được Tòa án xem xét, thẩm định và Hội đồng định giá tài sản thành phố P định giá có tổng giá trị là 612.088.000 đồng.

1.7. Xác định phần di sản của ông Lại Văn M để lại chưa chia trong khối tài sản chung của ông M với bà Phạm Thị H có giá trị là 306.044.000 đồng.

1.8. Xác định giá trị phần di sản bà Phạm Thị H được hưởng thừa kế của ông M không phụ thuộc vào nội dung di chúc của ông M lập ngày 05/10/2012 là: $\frac{2}{3}$ suất thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của ông M (cụ thể 306.044.000 đồng chia cho 05 suất) = 40.806.000 đồng (*Bốn mươi triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng*).

1.9. Xác định giá trị phần di sản anh Lại Văn T được hưởng theo di chúc của ông M lập ngày 05/10/2012 là: 306.044.000 đồng (giá trị di sản) - 40.806.000 đồng (giá trị phần di sản bà Phạm Thị H được hưởng thừa kế của ông M không phụ thuộc vào nội dung di chúc) = 265.238.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

2. Phân chia di sản thừa kế và tài sản thuộc quyền sở hữu chung như sau:

2.1. Giao cho bà Phạm Thị H được quyền sở hữu đối với các tài sản bao gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² trong đó có 260m² đất ở (ONT) và 468m² đất vườn (CLN), đã được UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020649 ngày 03/7/2006 cho hộ bà Phạm Thị H, thửa đất tọa lạc tại thôn 5, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam trị giá là 427.440.000 đồng. Bà H có nghĩa vụ thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai đối với phần diện tích đất được giao.

Tài sản có trên thửa đất gồm: 01 (*một*) nhà ở cấp bốn, diện tích 72.3m² trị giá 124.327.000 đồng; 01 (*một*) bếp diện tích 18m² trị giá 12.806.000 đồng; 01 (*một*) khu chuồng trại chăn nuôi diện tích 19m² trị giá 10.370.000 đồng; 01 (*một*) bể nước cũ trị giá 4.652.000 đồng; 01 (*một*) bể nước ăn có nắp đậy bê tông trị giá 4.609.000 đồng; 01 (*một*) bể phốt tự hoại trị giá 6.256.000 đồng; sân lát vỉa xi măng trị giá 8.058.000 đồng; phần tường rào chắn trước sân trị giá 1.162.000 đồng; tường rào xung quanh thửa đất trị giá 8.648.000 đồng; phần cổng trị giá 2.210.000 đồng; 02 (*hai*) cây mít, 01 (*một*) cây nhãn, 01 (*một*) cây quất hồng bì trị giá 1.550.000 đồng.

Tổng giá trị về quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất bà H được nhận là: 612.088.000 đồng (*Sáu trăm mười hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

2.2. Bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán cho anh Lại Văn T giá trị phần tài sản là di sản của ông M để lại trong khối tài sản chung của bà với ông M mà anh T được hưởng thừa kế theo di chúc ông M lập ngày 05/10/2012, được trừ phần di sản bà H được hưởng của ông M không phụ thuộc vào nội dung

di chúc còn lại là 265.238.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

2.3. Anh Lại Văn T được nhận từ bà Phạm Thị H giá trị phần di sản được hưởng thừa kế theo di chúc ông M đã lập ngày 05/10/2012 là 265.238.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập về việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình của bà Lại Thị L, bà Lại Thị C, bà Lại Thị T.

4. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 15 tháng 7 năm 2022, bị đơn là anh Lại Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế cho anh T bằng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

Anh Lại Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị được sử dụng vị trí Nam thửa đất (giáp đất ông Lại Văn C). Do nhà, bếp lợp mái ngói và công trình vật kiến trúc khác đã xuống cấp tạo điều kiện cho bà nội sử dụng nhà ở khi tuổi đã cao nên không yêu cầu tính giá trị công trình vật kiến trúc trên đất, tài sản và toàn bộ cây hoa màu khi phân chia thừa kế, chỉ tính giá trị quyền sử dụng đất để phân chia thừa kế. Trên đất còn có cây hoa màu của bố anh T trồng vị trí Nam thửa đất không yêu cầu giải quyết, nội bộ bố con tự giải quyết với nhau.

Bà Phạm Thị H nhất trí chia cho anh T thừa kế theo di chúc đất ở, đất vườn phần của ông Lại Văn M vị trí từ tường xây khuôn viên sân, cổng trở về phía Nam giáp đất anh Cương, còn lại bà đồng ý thanh toán chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất cho anh T theo quy định của pháp luật. Nhất trí không tính giá trị công trình vật kiến trúc, cây hoa màu trên đất khi chia tài sản thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lại Thị L, bà Lại Thị C, bà Lại Thị T, ông Lại Văn C đều nhất trí với ý kiến của anh T và bà H tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo anh Lại Văn T trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận với nhau về việc chia thừa kế cho anh Lại Văn T được thừa kế quyền sử dụng đất ở, đất vườn của ông Lại Văn M tại vị trí nam thửa đất (giáp đất ông C là bố anh T) và thỏa thuận không tính giá trị toàn bộ tài sản trên đất (gồm nhà công trình vật kiến trúc, cây hoa màu trên đất) là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu kháng cáo và công nhận thỏa thuận đương sự theo Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sửa Bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam về phần phân chia quyền sử dụng đất, giá trị tài sản và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lại Văn T trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Trong vụ án này, các đương sự đều xác nhận về hàng thừa kế, di sản thừa kế và xác nhận anh Lại Văn T được quyền thừa kế tài sản theo di chúc ngày 05/10/2012 của ông Lại Văn M đã được công chứng ngày 09/10/2012 tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Hà Nam là phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật. Đủ cơ sở kết luận thừa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² (trong đó có 260m² đất ở và 468m² đất vườn) tại thôn 5, xã P, thành phố P trị giá 427.440.000 đồng và toàn bộ tài sản công trình vật kiến trúc trên đất, cây lưu niên trên đất có tổng giá trị là 612.088.000 đồng là tài sản chung vợ chồng ông Lại Văn M, bà Phạm Thị H. Nay bà H yêu cầu chia sử dụng $\frac{1}{2}$ tài sản chung vợ chồng phù hợp quy định tại Điều 215 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thỏa thuận chỉ tính giá trị quyền sử dụng đất để phân chia thừa kế là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Chia phần bà H được hưởng giá trị tài sản chung là 213.720.000 đồng, phần của ông M là 213.720.000 đồng. Phần của ông M chia thừa kế theo pháp cho bà Phạm Thị H theo quy định tại Điều 644 của Bộ luật Dân sự, bà H được hưởng $\frac{2}{3}$ suất thừa kế theo pháp luật của ông M [(Phần ông M là 213.720.000 đồng : 05 suất) x $\frac{2}{3}$ suất thừa kế] = 28.496.000 đồng; còn lại anh Lại Văn T được hưởng thừa kế theo di chúc của ông M lập ngày 05/10/2012 là: 185.224.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Bà H có quyền hủy bỏ nội dung di chúc đã lập ngày 05/10/2012 liên quan đến phần tài sản của bà đã định đoạt trong di chúc là phù hợp Điều 640 và 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên di chúc đối với phần tài sản của bà H không có hiệu lực.

Xét kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận chia cho anh T được thừa kế quyền sử dụng đất ở, đất vườn phần của ông M theo di chúc là tự nguyện phù hợp với khoản 02 Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa Bản án sơ thẩm. Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, bản ảnh thực địa thửa đất, Biên bản hiện trạng sử dụng đất lập ngày 14 tháng 9 năm 2022. Xét nguồn gốc thửa đất này do ông cha để lại cho ông M- bà H và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở và đất vườn chung thừa (không có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định vị trí đất ở, đất vườn tại vị trí nào của thửa đất). Vì vậy, để đảm quyền lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, thuận tiện trong việc thi hành án, Hội đồng xét xử chia cho anh T sử dụng diện tích đất là 163m² trong đó 65m² đất ở, 98m² đất vườn (vị trí phía Nam thửa đất) trị giá 105.340.000 đồng; phần diện tích đất còn lại chia cho bà H quản lý sử dụng diện tích 565m² (trong đó 195m² đất ở, 370m² đất vườn) trị giá 322.100.000 đồng như thỏa thuận của đương sự là phù hợp.

Ngoài ra, các đương sự được quyền sở hữu toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây hoa màu trên diện tích đất được phân chia không phải thanh toán giá trị tài sản cho nhau. Đối với cây hoa màu của ông C trồng trên đất chia cho anh T, nội bộ anh Cương và anh T tự giải quyết với nhau, Tòa án không giải quyết.

Về thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản: Bà H được hưởng giá trị tài sản chung của vợ chồng khi phân chia là 213.720.000, được thừa kế theo pháp luật của ông M là 28.496.000 đồng, cộng là: 242.216.000 đồng. Được chia quyền sử dụng đất trị giá là 322.100.000 đồng, như vậy bà H phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh T là 79.884.000 đồng.

Anh T được chia giá trị tài sản thừa kế theo di chúc của ông M là 185.224.000 đồng, chia anh T được thừa kế quyền sử dụng đất là 105.340.000 đồng, như vậy anh T còn được nhận giá trị tài sản thừa kế do bà H thanh toán là 79.884.000 đồng.

[3] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (tại giai đoạn sơ thẩm) là 5.000.000 đồng, tại giai đoạn phúc thẩm là: 5.961.000 đồng, cộng chi phí: 10.961.000 đồng được chia theo pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do bà Lại Thị C, bà Lại Thị T và bà Lại Thị T không được hưởng giá trị tài sản thừa kế nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Anh Lại Văn T không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lại Văn T. Ghi nhận thỏa thuận của đương sự chia cho anh Lại Văn T được thừa kế quyền sử dụng đất phần di sản của ông Lại Văn M; không tính giá trị tài sản trên đất khi phân chia thừa kế.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 số của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất, về giá trị tài sản, chi phí tố tụng và án phí.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 144, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3, Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; các Điều 111, 155, 206, 207, 210, 213, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 618, 620, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 640, 643, 644, khoản 02 Điều 659, các Điều 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

Công nhận thừa đất số 208, tờ bản đồ PL1, diện tích 728m² trong đó có 260m² đất ở nông thôn (ONT) và 468m² đất vườn (CLN) trị giá 427.440.000 là tài sản chung của vợ chồng ông Lại Văn M và bà Phạm Thị H. Chia phần ông Lại Văn M được hưởng giá trị tài sản là 213.720.000 đồng; chia phần bà Phạm Thị H được hưởng giá trị tài sản là 213.720.000 đồng.

Xác nhận bà Phạm Thị H được quyền thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lại Văn M là 28.496.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Xác nhận anh Lại Văn T được quyền thừa kế theo di chúc đối với di sản thừa kế của ông Lại Văn M là: 185.224.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Chia cho bà Phạm Thị H được sử dụng diện tích đất là 565m² (trong đó 195m² đất ở, 370m² đất vườn) trị giá 322.100.000 đồng và được sở hữu toàn bộ tài sản, cây hoa màu trên đất không phải thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Chia cho anh Lại Văn T được quyền sử dụng diện tích đất là 163m² (trong đó 65m² đất ở, 98m² đất vườn) trị giá 105.340.000 đồng và sở hữu toàn bộ tài sản, cây hoa màu trên đất không phải thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác. Đối với cây hoa màu của ông C trồng trên đất giao cho anh T, ông C không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia cho bà Phạm Thị H và anh Lại Văn T có sơ đồ kèm theo bản án.

Các đồng thừa kế không được cản trở quyền sử dụng đất của nhau trên diện tích đã được phân chia.

Về thanh toán giá trị: Bà Phạm Thị H được sở hữu giá trị tài sản chung và hưởng thừa kế của ông M là 242.216.000 đồng; phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh T là 79.884.000 đồng (Bảy mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Anh Lại Văn T được sở hữu giá trị tài sản thừa kế là 185.224.000 đồng; được nhận số tiền bà Phạm Thị H thanh toán là 79.884.000 đồng (Bảy mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm là 5.000.000 đồng, bà Phạm Thị H đã nộp 5.000.000 đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng thửa đất giai đoạn phúc thẩm là 5.961.000 đồng, anh Lại Văn T đã nộp 5.961.000 đồng. Chia phần bà H phải chịu 6.211.000 đồng, anh Lại Văn T phải chịu 4.750.000 đồng. Bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán, trả lại cho anh Lại Văn T 1.211.000 đồng (Một triệu hai trăm mười một nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lại Văn T phải nộp 9.261.000 đồng (Chín triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Lại Thị C và bà Lại Thị T số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 2.500.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000306 và số AA/2021/0000305 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lại Văn T không phải chịu. Hoàn lại số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng theo Biên lai số AA/2021/0000421 ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng